

# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

PRAVANA \_PRA MINERAL DEFENSE SPRAY 8OZ\_2593802

Số sửa đổi

Rev 1.0

Ngày phát hành

June 29, 2020

## Phần 1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên sản phẩm PRAVANA \_PRA MINERAL DEFENSE SPRAY 8OZ\_2593802  
Các cách khác để xác định lại lịch Không có sẵn.  
Sử dụng được khuyến cáo Sản phẩm chăm sóc tóc

Hạn chế sử dụng Chỉ sử dụng theo chỉ dẫn trên nhãn sản phẩm.

Nhà sản xuất Henkel Corporation  
One Henkel Way  
Rocky Hill, CT 0606  
Internet: www.henkel-northamerica.com

Ngày thẩm định 6/29/2020  
Trong trường hợp khẩn cấp 1-888-689-9082  
Giao thông vận tải khẩn cấp Contact: CHEMTREC 1-800-424-9300 [US/Canada 24 Hours]

Loại sản phẩm Chất lỏng

## Phần 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Tổng quan cấp cứu Tình trạng OSHA/HCS

Mức xếp loại nguy hiểm

DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO.

Tình trạng OSHA/HCS

Mặc dù tài liệu này không được coi là nguy hiểm bởi Truyền thông Nguy hiểm OSHA Tiêu chuẩn (29 CFR 1910.1200), SDS này chứa thông tin có giá trị quan trọng đối với xử lý an toàn và sử dụng đúng cách của sản phẩm. SDS này nên được giữ lại và có sẵn cho nhân viên và những người dùng khác của sản phẩm này.

Mức xếp loại nguy hiểm

### NGUY HIỂM

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua miệng chưa biết: 37.6%

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua da chưa biết: 37.6%

Tỷ lệ hỗn hợp chứa (các) thành phần có độc tính qua hít thở chưa biết: 37.6%

Các thành phần cơ bản của nhãn GHS (Hệ Thống Hợp Tác Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất)



Từ cảnh báo  
Cảnh báo nguy cơ

Nguy hiểm  
Sol khí cực dễ cháy  
Chứa khí dưới áp suất; có thể nổ nếu gia nhiệt.

Các công bố về phòng ngừa

Tổng quát

Đọc kỹ nhãn trước khi sử dụng. Tránh xa tầm với của trẻ em. Nếu cần tư vấn về y học, tham khảo thùng chứa hoặc nhãn sản phẩm.

Ngăn chặn

Không phun vào ngọn lửa trần hoặc nguồn gây cháy khác. Thùng chứa nén áp suất: Không xé toạc hoặc đốt, thậm chí sau khi sử dụng.

Phản ứng

Không áp dụng.

Lưu trữ

Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Không để tiếp xúc với nhiệt độ vượt quá 50 °C/122 °F. cất giữ ở một nơi thông gió tốt.

Xử lý

Không áp dụng.

Nguy hiểm chưa được phân loại khác

Không biết chất nào.

## Phần 3. Thông tin về thành phần các chất

Chất/pha chế	Hỗn hợp	
Tên	%	Số CAS
rượu etylic	30-60%	64-17-5

Nồng độ nào biểu thị dưới dạng khoảng là để bảo mật thông tin hay do sự biến đổi của nó.

Với hiểu biết hiện tại của nhà cung cấp và ở mức độ cô đặc áp dụng, không có thành phần nào bị phân loại là độc hại với sức khỏe và môi trường cần phải báo cáo trong phần này.

Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp, nếu có, được liệt kê ở phần 8.

## Phần 4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Tiếp xúc mắt

Nếu tiếp xúc, dùng nhiều nước rửa mắt ngay ít nhất trong 15 phút. Có thể gây dị ứng mắt.

Hít phải

Di chuyển người bị ảnh hưởng ra chỗ thoáng khí.

Tiếp xúc ngoài da

Cởi quần áo và giày dép dính chất độc. Rửa bằng nhiều nước và xà phòng.

Nuốt phải

DỰ KIẾN SẼ KHÔNG GÂY ẢNH HƯỞNG BẤT LỢI ĐÁNG KỂ VỚI SỨC KHỎE NẾU TUÂN THỦ CÁC HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG ĐƯỢC KHUYẾN CÁO. Điều trị theo triệu chứng. Không được hút bất kỳ thứ gì vô miệng của một người đã bắt tĩnh. Gọi bác sĩ.

Thể hiện sự cần thiết phải được y bác sĩ chăm sóc ngay lập tức và dự

Lưu ý đối với bác sĩ điều trị

Sau khi hít phải: nồng độ propane và isobutane trong không khí, các chất đẩy trong sản phẩm này, vượt quá tiêu chuẩn tại nơi làm việc có thể gây ra tác dụng hệ thần kinh trung ương và kích thích họng và phổi khi ho, buồn nôn và nôn

Điều trị cụ thể

Không đòi hỏi điều trị đặc biệt.

Bảo vệ nhân viên sơ cứu

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng.

Xem thông tin độc tính (phần 11)

## Phần 5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

### Phương tiện dập tắt

Các chất chữa cháy phù hợp Dùng chất dập tắt lửa thích hợp với ngọn lửa xung quanh.

hơn

Các chất chữa cháy không phù hợp Không biết chất nào.

nhiều hơn

Các hiểm họa đặc trưng phát sinh từ hóa chất Sol khí cực dễ cháy. Để cháy ra đường cống có thể gây ra đám cháy hoặc tiếng nổ. Khí cháy hoặc khí quá nóng, áp suất sẽ tăng và đồ chứa có thể trào ra, và sau đó có thể phát nổ. Khí có thể tích lũy ở nơi kín, có thể đi một khoảng xa đến nguồn bắt lửa và cháy lan về gây nổ. Bình phun bị nổ có thể văng xa đám cháy với tốc độ cao.

Sản phẩm phân rã donhiệt nguy hiểm

Các sản phẩm làm thổi rửa có thể bao gồm các vật liệu sau đây:

carbon dioxit

carbon monoxit

hợp chất halogen hóa

carbonyl halides

Các hành động bảo vệ đặc biệt cho người chữa cháy

Nhanh chóng cô lập hiện trường bằng cách đuổi tất cả mọi người ra khỏi khu vực xảy ra sự cố nếu thấy có cháy. Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di chuyển bình chữa cháy khỏi khu vực cháy nếu có thể làm được mà không nguy hiểm. Dùng bụi nước để giữ mát bình chữa cháy ra lửa.

Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy

Nhân viên chữa cháy phải trang bị các dụng cụ bảo hộ thích hợp và máy thở độc lập ( SCBA), với bộ phận che mặt kín và hoạt động ở chế độ áp suất dương.

## Phần 6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ

### Các biện pháp để phòng cá nhân, thiết bị bảo vệ và các quy trình xử lý khẩn cấp

Cho người không phânnhân viên cấp cứu

Không nên đưa ra hành động nào nếu có thể gây nguy hại cho cá nhân hoặc nếu chưa được huấn luyện thích đáng. Di tản khỏi khu vực chung quanh. Ngăn không cho vào những người không cần thiết và không có thiết bị bảo hộ. Nếu bình phun bị thủng, phải cẩn thận vì chất chứa ở trong dưới áp suất lớn sẽ thoát ra ngoài rất nhanh. Nếu nhiều thùng chứa bị vỡ, hãy xử lý như đối với trường hợp vật liệu bị đổ ra nhiều, theo các hướng dẫn trong phần lau chùi. Không nên sờ mó hoặc dẫm vào chất đã đổ ra. Tắt tất cả các nguồn phát lửa. Không dùng pháo sáng, khói hay ngọn lửa trong khu vực nguy hiểm. Tránh hít hơi hay sương. Cung cấp thông hơi đầy đủ. Đo bình thờ thích hợp trong trường hợp không có đủ thoáng khí. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân phù hợp.

Cho các nhân viên cấp cứu

Nếu cần phải có quần áo đặc biệt để xử lý lượng tràn đổ, hãy lưu ý đến mọi thông tin trong Mục 8 về các vật liệu phù hợp và không phù hợp. Xem thêm thông tin trong mục “ Cho người không phải nhân viên cấp cứu”.

Đề phòng cho môi trường

Tránh làm lây lan những chỗ vật liệu bị đổ trào, và không cho chúng thoát ra và tiếp xúc với đất, dòng nước, khu vực thoát nước và cống rãnh. Thông báo cho nhà chức trách liên quan nếu sản phẩm đã gây ô nhiễm môi trường (cống rãnh, nguồn nước, đất hay không khí).

Các phương pháp và vật liệu dùng để ngăn chặn và làm sạch

### Khi tràn đổ, dò rỉ ở mức nhỏ

Khi tràn đổ, dò rỉ lớn ở diện rộng

Bịt chỗ rò rỉ nếu không nguy hiểm. Dùng dụng cụ không bắn tia lửa và thiết bị không nổ. Hốt và dọn chỗ đổ bằng

## Phần 7. YÊU CẦU VỀ CẤT GIỮ

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

Biện pháp bảo vệ

Tư vấn về vệ sinh nghề nghiệp tổng quát

Cấm không được ăn, uống và hút thuốc trong khu vực xử lý, trữ và chế biến chất này. Cởi bỏ quần áo ô nhiễm và trang bị bảo hộ rồi mới đi vào các khu vực ăn uống. Xem thêm Mục 8 để biết thêm thông tin về các biện pháp vệ sinh.

Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi khả năng tương kỵ

Cất giữ theo đúng quy định của địa phương. Bảo quản tại khu vực khô, mát và thông thoáng tốt, tránh ánh sáng mặt trời trực tiếp, tránh các vật liệu không tương thích (xem phần 10) và thực phẩm và đồ uống. Giữ tránh ánh sáng mặt trời. Loại trừ mọi nguồn bắt lửa.

## Phần 8. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ

### Hoa Kỳ

### Các thông số kiểm soát

### Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp

Tên thành phần nguy hiểm	
rượu etylic	ACGIH TLV (Hoa Kỳ, 3/2015). STEL: 1000 ppm 15 phút. OSHA PEL 1989 (Hoa Kỳ, 3/1989). TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ. NIOSH REL (Hoa Kỳ, 10/2013). TWA: 1000 ppm 10 giờ. TWA: 1900 mg/m <sup>3</sup> 10 giờ. OSHA PEL (Hoa Kỳ, 2/2013). TWA: 1000 ppm 8 giờ. TWA: 1900 mg/m <sup>3</sup> 8 giờ.

Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp Một hệ thống thông khí chung tốt sẽ đủ khả năng để kiểm soát mức độ phơi nhiễm của công nhân với các loại khí độc hại.

Kiểm soát phơi nhiễm môi trường Phải kiểm tra khí thải từ ống thông gió hay thiết bị dây chuyền làm việc để bảo đảm chúng tuân thủ yêu cầu luật lệ bảo vệ môi trường. Trong một số trường hợp, cần có bộ lọc khói, màng lọc hay điều chỉnh cơ khí đối với thiết bị trong dây chuyền để giảm khí thải tới mức chấp nhận được.

Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc 0

Biện pháp vệ sinh Bảo vệ mắt Cần sử dụng kính an toàn, loại đáp ứng tiêu chuẩn được công nhận, trong trường hợp một cuộc đánh giá rủi ro cho thấy điều này là cần thiết để tránh bị chất lỏng bắn vào, sương, gas hơi khí hoặc bụi. Nếu có khả năng bị tiếp xúc, phải sử dụng phương tiện bảo hộ o bảo sau đây, trừ khi đánh giá cho thấy phải sử dụng phương tiện bảo hộ cao cấp hơn:

Bảo vệ da 0

Biện pháp bảo vệ da khác Phải chọn thiết bị bảo hộ cá nhân cho cơ thể dựa vào nhiệm vụ đang thi hành và nguy cơ gắn liền và phải được chuyên gia chấp thuận trước khi xử lý sản phẩm này. Khi có nguy cơ cháy do tĩnh điện, phải sử dụng trang phục bảo hộ chống tĩnh điện. Để đạt được c hiệu quả bảo vệ chống tĩnh điện tốt nhất, trang phục cần bao gồm bộ áo liền quần, ủng và găng tay chống tĩnh điện.

Biện pháp bảo vệ da khác Giày dép phù hợp và mọi biện pháp bảo vệ thêm cho da phải được chọn theo công việc sẽ thực hiện cùng các nguy cơ gắn liền với công việc đó và phải được một chuyên gia phê chuẩn cho sử dụng trước khi thao tác với sản phẩm này.

Biện pháp bảo vệ hô hấp Dựa trên nguy cơ và khả năng phơi nhiễm, chọn một mặt nạ đường khí đáp ứng tiêu chuẩn hoặc chứng nhận phù hợp. Phải sử dụng mặt nạ đường khí theo chương trình bảo vệ hô hấp để đảm bảo lắp đặt, đào tạo phù hợp và các khía cạnh sử dụng quan trọng khác.

Tham khảo chính quyền địa phương về giới hạn phơi nhiễm chấp nhận. 0

## Phần 9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

### Bề ngoài

Trạng thái vật lý Cloudy Màu vàng.  
Màu sắc Đặc tính. Giống nước hoa.  
Mùi 5.25 đến 6.25  
pH 78.333°C (173°F)  
Điểm sôi Cốc đáy kín: 13°C (55.4°F)  
Điểm bùng cháy 0.8 đến 0.81  
Mật độ tương đối 8.945 kJ/g  
Nhiệt lượng cháy

## Phần 10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA

### Khả năng phản ứng

Tính ổn định Sản phẩm ổn định.

Khả năng gây các phản ứng nguy hại Trong điều kiện bảo quản và sử dụng thông thường, các phản ứng gây nguy hiểm sẽ không xảy ra.

Tình trạng cần tránh Tránh để gần những nơi có thể kích hỏa (tia lửa hoặc ngọn lửa).

Các vật liệu không tương thích Không có thông tin cụ thể gì.

Sản phẩm phân rã có mối nguy Trong các điều kiện lưu trữ và sử dụng thông thường, không được sử dụng các sản phẩm nguy hiểm gây thổi rữa.

## Phần 11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

### Hoa Kỳ

### Thông tin về các tác dụng độc

#### Độc tính cấp tính

Không có sẵn.

#### Kích ứng/Án mòn

Tên sản phẩm/thành phần

Không có sẵn.

#### Nhạy cảm

Không có sẵn.

#### Tính đột biến

Không có sẵn.

#### Tính gây ung thư

Không có sẵn.

#### Độc tính sinh sản

Không có sẵn.

Độc tính gây quái thai

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác

Không có sẵn.

Độc tính đối với một cơ quan cụ thể chịu tác

Không có sẵn.

Nguy hiểm bị ngạt từ nồm mưa

Không có sẵn.

Thông tin về các đường tiếp xúc có khả năng

Tác động sức khỏe cấp tính tiềm ẩn

0

Tiếp xúc mắt

Gây kích ứng mắt nghiêm trọng

Hít phải

Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích thích đường hô hấp ho.

Tiếp xúc ngoài da

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Nuốt phải

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các triệu chứng có liên quan đến các đặc điểm lý học, hóa học, và độc tính

Tiếp xúc mắt

Hít phải

Các triệu chứng bất lợi có thể bao gồm những điều sau đây: kích thích đường hô hấp ho.

Tiếp xúc ngoài da

Không có thông tin cụ thể gì.

Nuốt phải

Không có thông tin cụ thể gì.

Các tác động chậm và tức thời và cả các tác động mãn tính từ việc phơi nhiễm ngắn hạn và lâu dài

Phơi nhiễm ngắn hạn

Các tác dụng tức thời có

Các tác dụng chậm có

Không có sẵn.

Phơi nhiễm lâu dài

0

Các tác dụng tức thời có

Không có sẵn.

Các tác dụng chậm có

Không có sẵn.

Tác động sức khỏe mãn tính tiềm ẩn

Tổng quát

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính gây ung thư

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Tính đột biến

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Độc tính gây quái thai

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các ảnh hưởng về phát triển cơ thể

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Ảnh hưởng khả năng sinh sản

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

Các số liệu đo lường độ độc

0

Các giá trị ước tính độ độc cấp tính

Không có sẵn.

**Phần 12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

Hoa Kỳ

Độc Tính

Không có sẵn.

Độ bền và khả năng phân hủy

Không có sẵn.

Khả năng tồn lưu

Tên sản phẩm/thành phần

0

Khả năng phân tán qua đất

Hệ số phân cách đất/nước (KOC)

Hậu quả xấu khác

Chưa biết đến hậu quả nghiêm trọng hoặc nguy hiểm tai hại nào.

**Phần 13. YẾU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

Các phương pháp thải bỏ

**Phần 14. YẾU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật					
phải tuân thủ					
Phân loại DOT	Không quânly.	Aerosols	-	-	Số lượng hạn chế Vàng. Hướng dẫn đóng gói.

Phân loại TDG	Không quản lý.	AEROSOLS. Chất gây ô nhiễm biển (rượu etylic)	-	-	Product classified as per the following sections of the Transportation of Dangerous Goods Regulations: 2.13-2.17 (Class 2), 2.7 ( Marine pollutant mark). Ký hiệu chất gây ô nhiễm hàng hải là không bắt buộc khi vận chuyển bằng đường bộ hoặc đường sắt. Giới Hạn Nổ và Chỉ Số Số Lượng Hạn Chế 1
Phân Loại Mexico	Không quản lý.	AEROSOLEES	-	-	Điều khoản đặc biệt 63, 190, 277
Phân loại ADR/RID	Không quản lý.	AEROSOLS	-	-	Số lượng hạn chế LQ2 Điều khoản đặc biệt 190, 327 625
Phân loại IMDG	Không quản lý.	AEROSOLS. Marine pollutant (ethanol)	-	-	The marine pollutant mark is not required when transported in sizes of ≤5 L or ≤5 kg. Emergency schedules F-D, S-U Special provisions 63, 190, 277, 327, 959
Phân loại IATA-DGR	Không quản lý.	Aerosols, flammable	-	-	The environmentally hazardous substance mark may appear if required by other transportation regulations. Quantity limitation Passenger and Cargo Aircraft: 75 kg. Packaging instructions: 203. Cargo Aircraft

PG\* : Quy cách đóng gói

0 0 0 0 0

## Phần 15. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT

Quy định Liên Bang Hoa Kỳ

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 112 (b) Không liệt kê  
Các chất gây ô nhiễm không khí nguy hiểm (HAPs)

Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602 Không liệt kê  
Phần Đạo luật về Không khí Sạch 602 Không liệt kê  
Danh sách DEA Hóa chất Không liệt kê  
Hóa chất DEA Danh sách II Không liệt kê  
SARA 302/304 0  
Thông tin về thành phần các chất

Không tìm thấy sản phẩm nào.  
SARA 304 RQ  
SARA 311/312 0  
Phân loại  
Thông tin về thành phần các chất Không có sẵn.  
0

Bang Massachusetts  
Bang New York Không có thành phần nào trong hợp chất này được liệt kê.

Bang New Jersey Các thành phần sau được liệt kê:  
ETHYL ALCOHOL; ALCOHOL; 1,1-DIFLUOROETHANE; ETHANE, 1,1-DIFLUORO-  
Bang Pennsylvania Các thành phần sau được liệt kê:  
DENATURED ALCOHOL; ETHANOL

California Prop. 65 0

DỰ ÁN CALIFORNIA 65: Tuyên bố sau đây được đưa ra để tuân thủ Uống rượu an toàn California Đạo luật Cường chế Nước và Độc hại năm 1986. Sản phẩm này không được Tiểu bang California biết là gây ung thư.

Không có sẵn.

Quy định quốc tế

Danh mục của Hiệp ước về Vũ khí Hóa học

Không liệt kê.

Nghị định thư Montreal (Phụ lục A, B, C, E)

Không liệt kê.

Hiệp ước Stockholm về các chất gây ô nhiễm

hữu cơ bền

Không liệt kê.

Công Ước Rotterdam về Thỏa Thuận Có Hiệu

Biết Trước (PIC)

Không liệt kê.

Nghị định thư UNECE Aarhus về PÓP và các

kim loại nặng

Không liệt kê.

Canada

WHMIS (Canada)

Canadian lists 0

NPRI Canadian

Các chất độc theo CEPA Các thành phần sau được liệt kê:  
Volatile organic compounds

Bản kê của Canada

Không xác định.

Sản phẩm này đã được phân loại theo các tiêu chí nguy hiểm của Quy định về Sản phẩm được Kiểm soát và MSDS chứa tất cả thông tin Mexico

Phân loại



## Hệ Thống Thông Tin Chất Nguy Hiểm (Hoa Kỳ)

Hệ thống thông tin vật liệu nguy hiểm (Hoa Kỳ)

Thận trọng: Xếp hạng HMIS® dựa trên thang đánh giá 0-4, với 0 đại diện cho các rủi ro hoặc rủi ro tối thiểu và 4 đại diện cho những mối nguy hiểm hoặc rủi ro đáng kể. Mặc dù xếp hạng HMIS® và nhãn liên quan là không bắt buộc trên SDS hoặc sản phẩm rời khỏi một cơ sở dưới 29 CFR 1910.1200, người chuẩn bị có thể chọn cung cấp chúng. Xếp hạng HMIS® sẽ được sử dụng với chương trình HMIS® được triển khai đầy đủ. HMIS® là nhãn hiệu dịch vụ và nhãn hiệu đã đăng ký của Hiệp hội Sơn phủ Hoa Kỳ, Inc.

Khách hàng chịu trách nhiệm xác định qui tắc sử dụng thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) cho vật liệu này. Để biết thêm thông tin về các qui tắc sử dụng Thiết bị Bảo hộ Cá nhân (PPE) của HMIS®, hãy tham khảo Sổ tay Thao tác HMIS®.

Health	2
Flammability	0
Physical hazards	0

Hiệp Hội Bảo Vệ Hòa Hoàn Quốc Gia (Hoa Kỳ)



In lại với sự cho phép của NFPA 704-2001, Xác định các mối nguy hiểm của vật liệu khẩn cấp Phân hồi Bản quyền © 1997, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Tài liệu in lại này là không phải là vị trí chính thức và đầy đủ của Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, về chủ đề được tham chiếu mà chỉ được đại diện bởi các tiêu chuẩn trong toàn bộ.

Bản quyền © 2001, Hiệp hội phòng cháy chữa cháy quốc gia, Quincy, MA 02269. Hệ thống cảnh báo này nhằm chỉ được giải thích và áp dụng bởi các cá nhân được đào tạo đúng cách để xác định các nguy cơ hỏa hoạn, sức khỏe và phản ứng của hóa chất. Người dùng được tham khảo một số lượng hóa chất giới hạn nhất định với các phân loại được khuyến nghị trong NFPA 49 và NFPA 325, chỉ được sử dụng làm hướng dẫn. Cho dù các hóa chất được phân loại bởi NFPA hay không, bất kỳ ai sử dụng hệ thống 704 để phân loại hóa chất đều tự chịu rủi ro.

Lịch sử

Ngày in

Ngày phát hành/Ngày hiệu

chính

Ngày phát hành lần trước 6/29/2020

Phiên bản 1.0 ed

Tham khảo Không có sẵn.

Cho thấy thông tin đã thay đổi kể từ phiên

0

Người đọc lưu ý

0

Thông tin được đưa ra ở đây là chính xác dựa trên các hiểu biết của chúng tôi. Tuy nhiên, nhà cung cấp nêu tên ở trên hay các cơ sở trực thuộc không chịu bất kỳ trách nhiệm nào về tính chính xác hay đầy đủ của thông tin này. Quyết định cuối cùng về sự phù hợp hay không của nguyên liệu nào là thuộc về trách nhiệm của người sử dụng. Tất cả những nguyên liệu có thể có những nguy hại chưa được biết đến và vì vậy cần phải được sử dụng cẩn thận. Mặc dù có một vài tác động nguy hại được nêu ở đây nhưng chúng tôi không bảo đảm rằng đây là những nguy hại duy nhất tồn tại.